CTCP Sông Đà 11 (HNX: SJE)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	18,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.7%	-18.8%	-31.8%

ROE — 2024: 18.7% | +/- YoY: ▲ 8.0%

DT thuần — Q4/24: 696 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 98.0 ▲ 16.4% | YoY: ▲ 429 ▲ 161%

DT thuần — 2024: 2,360 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 1,664 ▲ 239%

LN gộp — Q4/24: 109 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 47.5 ▲ 76.8% | YoY: ▲ 52.2 ▲ 91.4%

LN gộp — 2024: 358 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 128 ▲ 55.9%

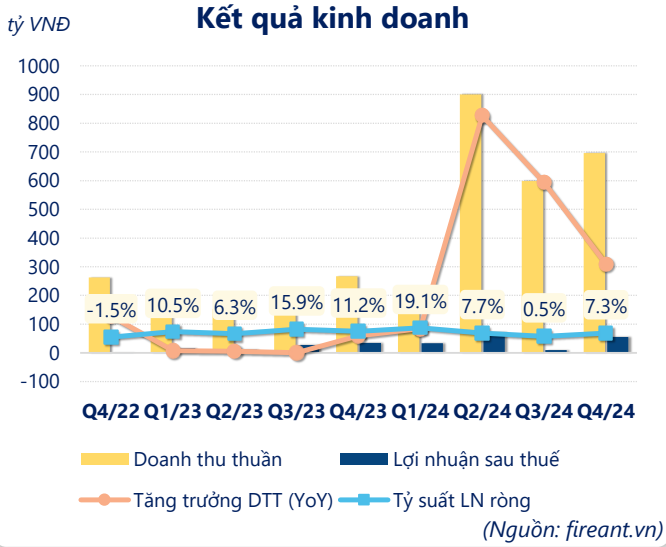
LN thuần — Q4/24: 59.1 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 45.8 ▲ 344% | YoY: ▲ 18.2 ▲ 44.4%

LN thuần — 2024: 179 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 70.0 ▲ 64.9%

LN sau thuế — Q4/24: 55.3 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 45.6 ▲ 469% | YoY: ▲ 20.9 ▲ 60.8%

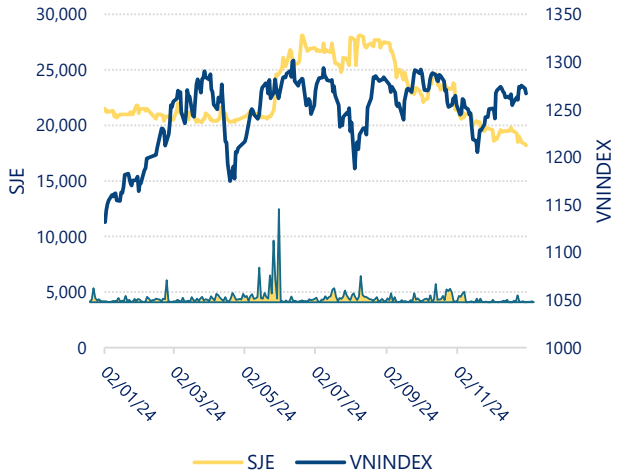
LN sau thuế — 2024: 170 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 81.0 ▲ 91.1%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

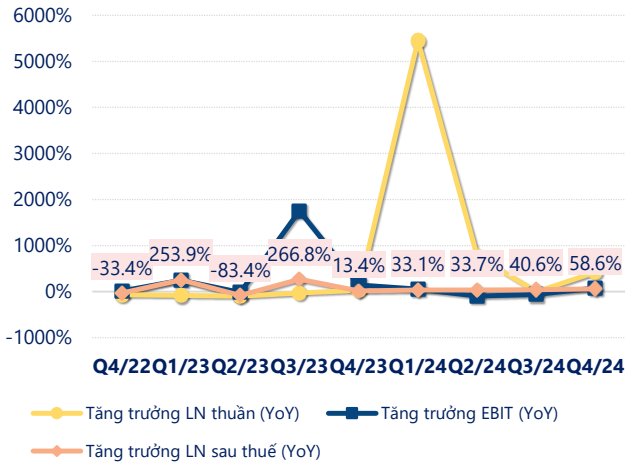


Powered by Infographic
https://fireant.vn/

CTCP Sông Đà 11 (HNX: SJE)

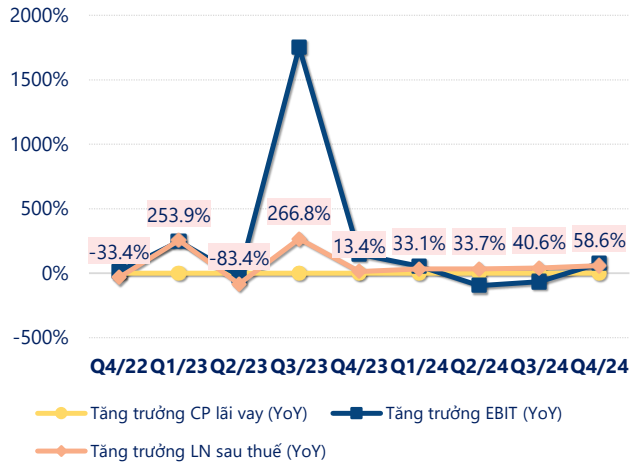
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



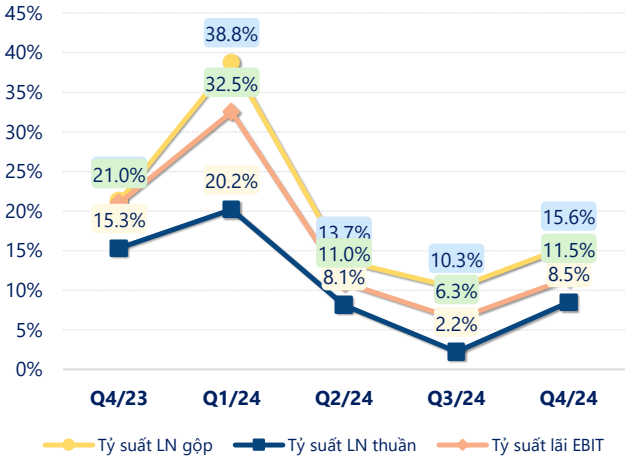
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



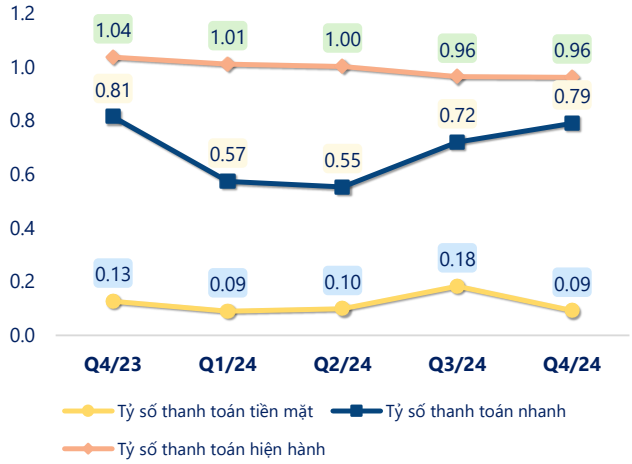
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



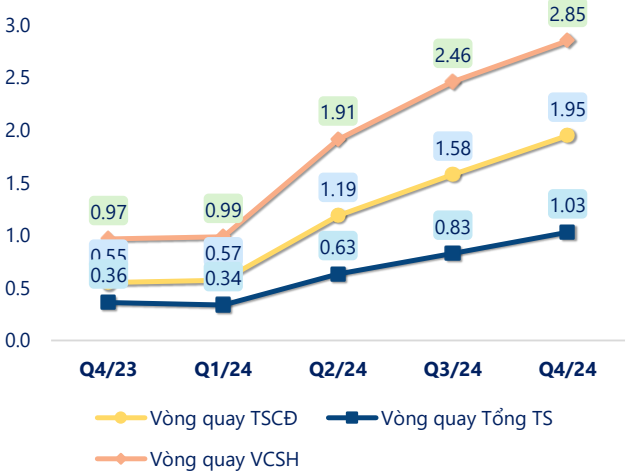
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



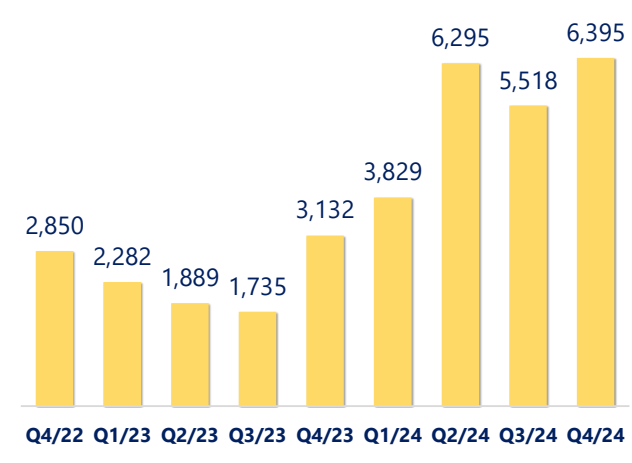
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

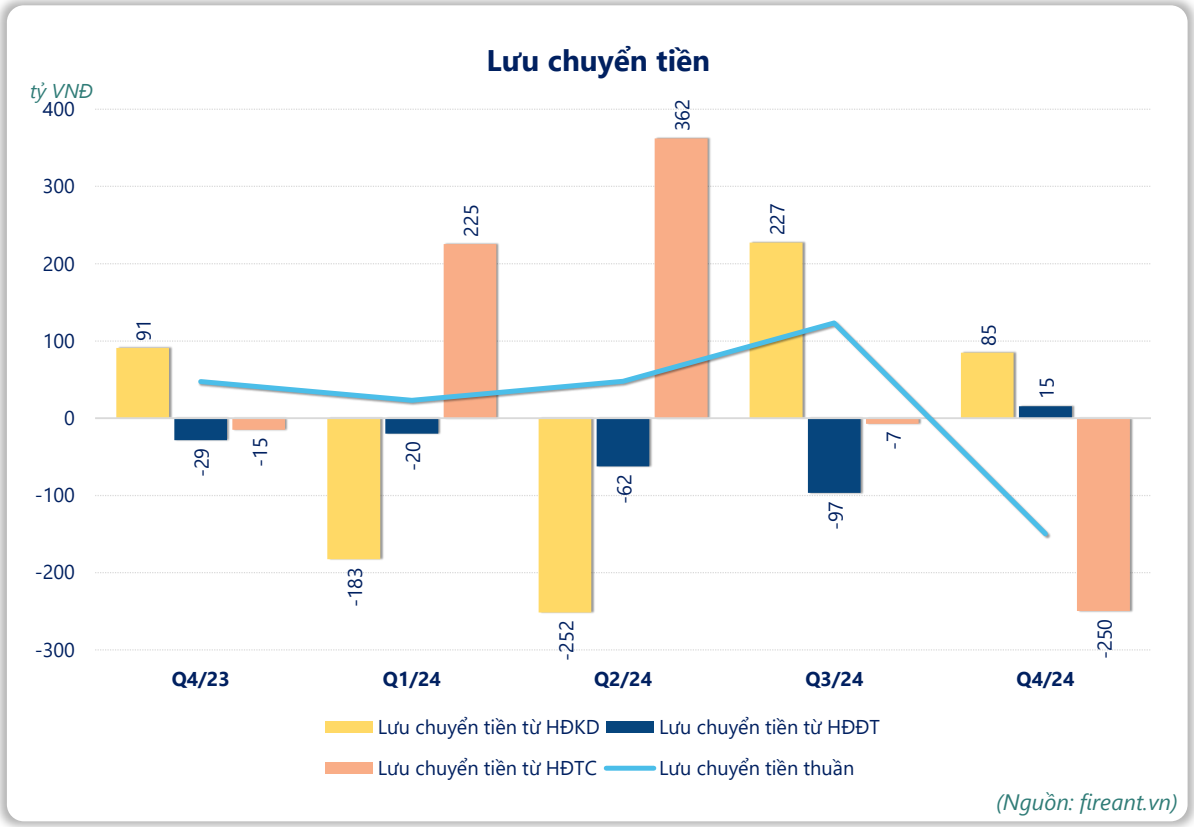


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sông Đà 11 (HNX: SJE)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**696**	**267**	**161%**	**2,360**	**696**	**239%**
Giá vốn hàng bán	587	210	180%	2,002	467	329%
Lợi nhuận gộp	109	56.8	91.4%	358	230	55.9%
Doanh thu HĐTC	0.31	0.21	48.8%	0.89	0.33	170%
Chi phí TC	23.5	19.4	20.9%	103	88.7	15.7%
Chi phí lãi vay	21.8	17.8	22.6%	89.6	81.2	10.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**26.5**	**-3.27**	**911%**	**76.9**	**32.5**	**137%**
LN thuần từ HĐKD	59.1	40.9	44.4%	179	109	64.9%
Lợi nhuận khác	**-0.58**	**-2.62**	**78.0%**	**2.50**	**-9.99**	**125%**
LN trước thuế	58.5	38.3	52.7%	182	98.6	84.2%
Lợi nhuận sau thuế	**55.3**	**34.4**	**60.8%**	**170**	**89.0**	**91.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**51.0**	**29.8**	**71.3%**	**155**	**76.7**	**102%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)